

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56/2024/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 868/TTr-STNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Văn bản số 5827/STNMT-QLDD ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 10 như sau:

“b) Thương đổi với người sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi mà nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban

hành thông báo chi trả tiền của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng như sau:

Đối với đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác là: 5.000 đồng/m² theo diện tích thực tế thu hồi.”.

2. Bổ sung Điều 10a vào sau Điều 10 như sau:

“Điều 10a. Bổ sung các khoản hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai năm 2024

1. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không hợp pháp

a) Đối với nhà, công trình xây dựng trước 15/10/1993 nhưng trái mục đích sử dụng đất hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì hỗ trợ như sau: Nhà và công trình xây dựng khác hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường.

b) Đối với nhà, công trình xây dựng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 nhưng trái mục đích sử dụng đất hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì hỗ trợ như sau: Nhà và công trình xây dựng khác hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường.

c) Đối với nhà, công trình xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 nhưng trái mục đích sử dụng đất hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì hỗ trợ như sau: Nhà và công trình xây dựng khác hỗ trợ bằng 60% mức bồi thường.

d) Đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp được xây dựng kể từ ngày 01/7/2014 không được hỗ trợ.

2. Nhà, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hợp pháp không bị thu hồi đất, không bị phá dỡ (trước khi thực hiện dự án nhà, công trình vẫn đang được sử dụng bình thường) nhưng do thực hiện dự án làm ảnh hưởng đến cốt nhà, công trình thì được xem xét hỗ trợ để khắc phục phần ảnh hưởng đối với trường hợp khoảng cách nhà, công trình cách mép công trình của dự án không quá 5,0m, như sau:

a) Cốt đường, công trình cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà từ 0,5m đến dưới 0,75m được hỗ trợ phần ảnh hưởng để nhà đó tiếp tục được sử dụng, mức hỗ trợ như sau:

Diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án nhỏ hơn hoặc bằng 3m, được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường;

Diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình

của dự án từ trên 3m đến 5m, được hỗ trợ bằng 40% mức bồi thường.

b) Cốt đường, công trình cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà từ 0,75m đến 1,5m được hỗ trợ phần ảnh hưởng để nhà đó tiếp tục được sử dụng, mức hỗ trợ như sau:

Diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án nhỏ hơn hoặc bằng 3m, được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường;

Diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án từ trên 3m đến 5m, được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường.

c) Cốt đường, công trình cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà từ 1,5m đến 2,5m, được hỗ trợ phần ảnh hưởng để nhà đó tiếp tục được sử dụng, mức hỗ trợ như sau:

Phần diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án nhỏ hơn hoặc bằng 3m, được hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường.

Phần diện tích nhà, công trình bị ảnh hưởng cách chỉ giới xây dựng công trình của dự án từ trên 3m đến 5m, được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường.

d) Cốt đường, công trình của dự án cao hoặc thấp hơn cốt nền nhà trên 2,5m thì diện tích nhà đó được hỗ trợ theo đơn giá bồi thường.

3. Tài sản là bê tông sân đường, rãnh cống dọc, ngang, cây xanh trên hành lang giao thông do nhân dân tự làm để sạch đẹp đường phố khi mở đường, dự án không làm lại phần việc này thì hỗ trợ bằng mức bồi thường; trường hợp dự án làm lại phần việc này thì không bồi thường, hỗ trợ.

4. Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh

a) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi; Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất trong hành lang an toàn, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở, mức hỗ trợ thuê nhà ở như sau:

Hộ độc thân là 3.000.000 đồng/hộ/tháng; hộ có 02 khẩu hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ/tháng; hộ có từ 3 khẩu trở lên hỗ trợ 6.000.000 đồng/hộ/tháng. Thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

Trường hợp di chuyển trước khi được giao đất tái định cư (theo yêu cầu của Dự án và có sự đồng ý của hộ gia đình, cá nhân) thì thời gian hỗ trợ được tính từ khi di chuyển đến khi được giao đất tái định cư tại thực địa cộng thêm 06 tháng để ổn định nơi ở mới.

Trường hợp di chuyển sau khi được giao đất tái định cư tại thực địa, nhưng thời gian di chuyển chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được giao đất tái định cư tại thực địa, hoặc hộ gia đình, cá nhân tự lo tái định cư thì thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

b) Hỗ trợ thuê địa điểm sản xuất, kinh doanh, làm việc đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận

đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh, giấy đăng ký hộ kinh doanh và đang hoạt động), mức hỗ trợ là 20.000 đồng/m²/tháng tính theo mét vuông (m²) xây dựng nhà làm việc hoặc xưởng sản xuất bị phá dỡ, thời gian hỗ trợ là 6 tháng.

5. Đối với nhà, công trình phá dỡ một phần thì thực hiện như sau:

a) Đối với nhà xây một tầng lợp mái, nhà tạm để ở và phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân bị phá dỡ một phần tường hoặc cột chịu lực của nhà đó thì tính bồi thường theo quy định cho phần bị phá dỡ, phần diện tích còn lại của nhà đó được hỗ trợ bằng mức bồi thường, không tính hỗ trợ nhà, công trình khác tiếp theo;

b) Đối với nhà xây một tầng mái bằng bê tông cốt thép, nhà xây từ hai tầng trở lên, nhà để sản xuất kinh doanh bị phá dỡ một phần diện tích nhà, phần bị phá dỡ tường hoặc cột chịu lực thì tính bồi thường theo quy định cho phần diện tích bị phá dỡ, phần diện tích nhà còn lại được hỗ trợ như sau:

Phần nhà còn lại tiếp theo (tính từ cọc giải phóng mặt bằng trở vào) có kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 10m thì toàn bộ diện tích còn lại được hỗ trợ bằng mức bồi thường, không tính hỗ trợ nhà, công trình tiếp theo;

Phần nhà còn lại tiếp theo (tính từ cọc giải phóng mặt bằng trở vào) có kích thước lớn hơn 10m thì chỉ tính hỗ trợ đủ 10m của nhà đó bằng mức bồi thường.

6. Hỗ trợ công trình xây dựng phục vụ sản xuất nông nghiệp

Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự ý xây dựng các công trình để phục vụ mục đích sản xuất trên đất nông nghiệp trước ngày công bố thực hiện dự án, khi xây dựng không có văn bản xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận công trình xây dựng với mục đích phục vụ sản xuất nông nghiệp thì thực hiện hỗ trợ đối với tài sản xây dựng trên đất, mức hỗ trợ bằng mức bồi thường.

7. Hỗ trợ thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ

Nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không phải di dời khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 KV theo quy định của Luật Điện lực thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc hỗ trợ được thực hiện một (01) lần như sau:

a) Nhà một tầng lợp mái, nhà tạm, công trình phụ phục vụ sinh hoạt mức hỗ trợ bằng 70% giá trị bồi thường đối với phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ lưới điện cao áp;

b) Nhà mái bằng đổ bê tông cốt thép và vật kiến trúc khác mức hỗ trợ bằng

50% giá trị bồi thường đối với phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ lưới điện cao áp;

c) Nhà, công trình bị hành lang lưới điện cao áp chiếm dụng từ 70% trở lên thì hỗ trợ theo mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này cho toàn bộ nhà, công trình;

d) Khi đã hỗ trợ, người có tài sản phải có biện pháp xử lý an toàn khi sử dụng. Nếu chủ dự án thấy việc xử lý an toàn không thể thực hiện được thì bồi thường theo quy định để người có tài sản di chuyển ra khỏi phạm vi hành lang bảo vệ an toàn;

đ) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, không phải di dời khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 KV theo quy định thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được hỗ trợ, mức hỗ trợ được thực hiện một (01) lần bằng 70% mức hỗ trợ theo quy định điểm a, b, c khoản này.

8. Hỗ trợ cho trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình thì được xem xét hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình còn thiếu với diện tích đất giao tối thiểu bằng diện tích suất tái định cư tối thiểu được quy định tại Điều 8 quy định kèm theo Quyết định này.

9. Hỗ trợ thiệt hại tài sản gắn liền với đất là công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn

Chủ sở hữu tài sản được hỗ trợ bằng 60% giá trị công trình xây dựng đối với trường hợp phá dỡ, tháo dỡ, di dời.

10. Hỗ trợ gia đình chính sách

a) Hộ gia đình có thành viên là người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng bao gồm: người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ 01/01/1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945; bà mẹ Việt Nam anh hùng; anh hùng lực lượng vũ Trang; anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; thân nhân liệt sĩ phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ.

b) Hộ gia đình có thành viên là người có công đang hưởng trợ cấp hằng tháng bao gồm: thương binh, người hưởng chính sách như thương binh tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 80% bệnh binh tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%; người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; gia đình có công với cách mạng phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 7.000.000 đồng/hộ.

c) Hộ gia đình có người thuộc diện được hưởng trợ cấp, xã hội khác của Nhà nước phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở được hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ;

d) Trong hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách xã hội thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

11. Hỗ trợ hộ nghèo

Hộ gia đình bị thu hồi đất thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo do Chính phủ quy định trong từng thời kỳ thì được hỗ trợ bằng tiền một lần để vươn lên thoát nghèo thì hỗ trợ như sau:

a) Hộ gia đình có đất thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở thì thời gian hỗ trợ là 84 tháng; quy định này áp dụng cho cả trường hợp hộ gia đình vừa phải di chuyển chỗ ở vừa có đất nông nghiệp thu hồi;

b) Hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi mà không phải di chuyển chỗ ở: Diện tích thu hồi dưới 30% nhưng tối thiểu phải từ 50m² trở lên thì thời gian hỗ trợ 36 tháng.

Diện tích thu hồi từ 30% đến 50% thì thời gian hỗ trợ 48 tháng.

Diện tích thu hồi từ trên 50% đến 70% thì thời gian hỗ trợ 60 tháng.

Diện tích thu hồi từ trên 70% thì thời gian hỗ trợ 72 tháng.

c) Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a và b khoản này là: 500.000 đồng/khâu/tháng.

12. Hỗ trợ di chuyển tài sản

a) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải phá dỡ nhà, công trình để di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển, mức hỗ trợ chi phí di chuyển bằng: 10.000.000 đồng/hộ.

b) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải phá dỡ một phần nhà, công trình nhưng không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản, mức hỗ trợ chi phí di chuyển bằng: 5.000.000 đồng/hộ.

13. Ngoài việc hỗ trợ quy định từ điểm 1.1 đến điểm 1.12 của khoản này, trong trường hợp cụ thể, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban

nhân dân cấp huyện có văn bản đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ khác cho người có đất thu hồi.”.

3. Bổ sung Điều 10b vào sau Điều 10a như sau:

“Điều 10b. Bổ sung các khoản hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ

1. Hỗ trợ theo khoản 7 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì hỗ trợ bằng 30% giá đất bị thu hồi trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Hỗ trợ theo khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì hỗ trợ bằng 30% giá đất bị thu hồi trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Hỗ trợ theo khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

a) Khối lượng xây dựng tài sản là mồ mã được bồi thường bằng 100% giá trị xây mới;

b) Hỗ trợ di dời mồ mã mức hỗ trợ 7.000.000 đồng/ngôi;

c) Trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mã ngoài khu vực được bố trí thì được hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng/ngôi;

d) Trường hợp mồ mã không có người nhận thì giao Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì, phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện việc di chuyển. Chi phí tổ chức thực hiện là: 10.000.000 đồng/ngôi.

4. Hỗ trợ theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Trường hợp thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (*áp dụng đối với trường hợp thu hồi từ 50m² trở lên*) thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 12 tháng.

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương và được chi trả một (01) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

5. Hỗ trợ theo khoản 5 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm

muối từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 24 tháng.

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương và được chi trả một (01) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

6. Hỗ trợ theo khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

a) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh, bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp, mức hỗ trợ là: 10.000 đồng/m²;

b) Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Mức trợ cấp ngừng việc trong một (01) tháng được tính bằng (=) 60% mức lương tối thiểu vùng nhân (x) với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng mà người lao động đang được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.

Thời gian trợ cấp ngừng việc là 06 tháng và được chi trả một (01) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và quy định tại Quyết định này.

2. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất.”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến